

ĐÓNG GÓP CỦA CHUYỂN vào tăng trưởng kinh tế Việt

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN

Trưởng Đại học Kinh tế quốc dân

ĐỖ VĂN LÂM

Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế -
Xã hội Quốc gia

Nhờ có công cuộc đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực trong chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó có phần đóng góp của chuyển dịch lao động vào tăng trưởng kinh tế. Bài viết sẽ tập trung vào đánh giá và phân tích đóng góp của chuyển dịch lao động và hệ số co giãn của các khu vực kinh tế chính, bao gồm khu vực nông, lâm nghiệp – thủy sản, khu vực công nghiệp và dịch vụ thông qua sử dụng mô hình của R.M.Sundrum và W.Cornwall đề xuất năm 1990.

THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA VIỆT NAM

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam liên tục giữ ở mức cao trong khi tốc độ tăng dân số được khống chế dẫn đến mức thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam ngày càng được nâng cao. Giai đoạn 2000 – 2007, thu nhập bình quân đầu người dần được khôi phục, đây cũng là giai đoạn hội

nhập kinh tế, cải cách thể chế và phục hồi sau khủng hoảng. Giai đoạn 2008 – 2011, thu nhập bình quân đầu người suy giảm. Nền kinh tế bộc lộ nhiều điểm yếu của mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế đặt ra cấp thiết buộc chúng ta phải thay đổi tư duy và lựa chọn mô hình tăng trưởng mới hướng vào tăng năng suất lao động dựa trên nguồn nhân lực có kỹ năng thay vì dựa nhiều vào đất đai, tài nguyên và lao động giản đơn, giá rẻ.

CẤU TRÚC SẢN LƯỢNG VÀ VIỆC LÀM CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

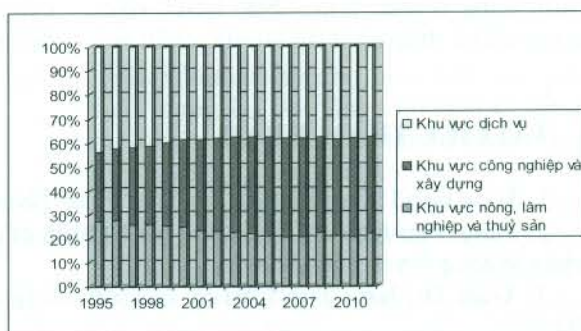
Cấu trúc sản lượng của nền kinh tế

Hình 2 cho thấy, cơ cấu kinh tế theo ngành đã có những bước dịch chuyển vững chắc theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đó là xu hướng thay cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng (CN-XD) trong GDP và giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS). Tuy nhiên, từ năm 2005 trở lại đây, tỷ trọng của khu vực CN-XD trong GDP có xu hướng chững lại. Cụ thể, tỷ trọng của khu vực NLTS trong GDP từ 27,18% vào năm 1995 đã xuống còn 22% năm 2011. Tỷ trọng khu vực công nghiệp trong GDP tăng nhanh, chiếm 28,76% vào năm 1995 đã tăng lên 40,23% năm 2011 và tỷ trọng khu vực dịch vụ (DV) trong GDP chiếm 44,06% vào năm 1995 và giảm nhẹ xuống còn 37,76% năm 2011.

HÌNH 1. GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA VIỆT NAM,
1995 – 2011



HÌNH 2: CẤU TRÚC SẢN LƯỢNG,
1995 – 2011



DỊCH LAO ĐỘNG

Nam giai đoạn 1995-2011

BẢNG 1: CẤU TRÚC SẢN LƯỢNG CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995-2011

	1995	2000	2005	2010	2011	Điểm % thay đổi		
						1995-2000	2001-2005	2006-2010
Khu vực NLTS	27,18	24,53	20,97	20,6	22	-2,65	-3,56	- 0,37
Khu vực CN-XD	28,76	36,73	41,02	41,1	40,23	+7,97	+ 4,29	- 0,02
Khu vực DV	44,06	38,74	38,01	38,3	37,76	-5,32	-0,73	+ 0,29

Nguồn: GSO và tính toán của tác giả

Từ Bảng 1 có thể thấy rằng, cấu trúc sản lượng của nền kinh tế Việt Nam đã có những thay đổi rõ rệt. Trong 2 giai đoạn 1995-2000 và 2001-2005, tỷ trọng của khu vực CN-XD tăng lên nhanh chóng, tương ứng là 7,97% và 4,92% và có xu hướng chững lại ở giai đoạn 2006-2010, nguyên nhân là do nền kinh tế nước ta bị ảnh hưởng mạnh bởi suy thoái kinh tế toàn cầu. Trong khi đó, tỷ trọng của khu vực NLTS và DV đều giảm trong hai giai đoạn đầu, tuy nhiên, đến giai đoạn 2006-2010, tỷ trọng của khu vực NLTS vẫn giảm và tỷ trọng của khu vực DV tăng. Đây là hướng chuyển dịch cấu trúc sản lượng tích cực và cho thấy vai trò quan trọng của khu vực dịch vụ trong nền kinh tế Việt Nam.

Cấu trúc việc làm của nền kinh tế Việt Nam

Hình 3 cho thấy trong hơn một thập kỷ, cơ cấu lao động theo ngành kinh tế đã có những biến đổi theo hướng tiến bộ, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ chưa tạo ra nhiều việc làm để thu hút lao

động từ nông nghiệp chuyển sang, lao động bị dồn nén trong khu vực nông nghiệp có mức năng suất thấp và thu nhập thấp, và nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo cung cấp việc làm cho phần lớn lực lượng lao động có việc làm của nền kinh tế (đến năm 2010 và 2011 vẫn chiếm 46,9%). Như vậy, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu lao động tương ứng từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

Bên cạnh đó, Hình 3 cũng cho thấy cấu trúc lao động của nền kinh tế các năm 2010 và 2011 là như nhau (lao động nông nghiệp chiếm 46,9%; công nghiệp chiếm 19,32%; dịch vụ chiếm 33,78%). Nói cách khác, sự tái phân bổ lao động giữa các ngành đến thời điểm này đã chững lại, báo hiệu điểm tới hạn của thời kỳ tăng trưởng kinh tế trên diện rộng chủ yếu dựa trên sự gia tăng lực lượng lao động và sự chuyển dịch cơ cấu từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

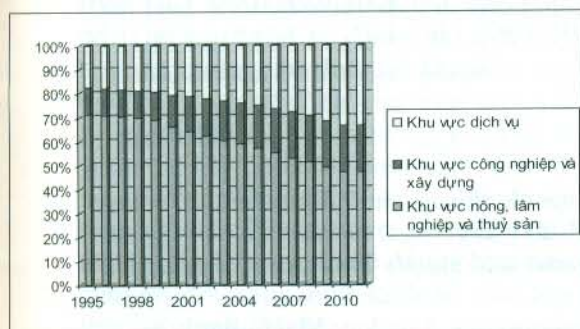
TĂNG TRƯỞNG NĂNG SUẤT CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995 – 2011

Năng suất lao động của các khu vực và nền kinh tế

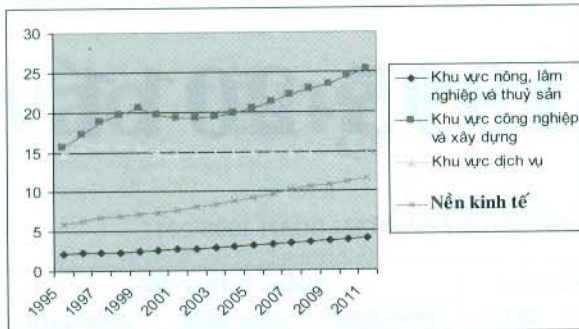
Có thể thấy rằng công nghiệp là khu vực có năng suất lao động cao nhất trong các khu vực của nền kinh tế, và năng suất của khu vực công nghiệp liên tục được cải thiện trong 10 năm trở lại đây (kể từ năm 2002). Khu vực dịch vụ có năng suất gần như ổn định, có dấu hiệu khôi phục sau khi bị suy giảm sâu nhất vào năm 2010. Năng suất lao động trong ngành nông nghiệp của nước ta rất thấp, kém xa năng suất lao động ở các ngành kinh tế khác, đặc biệt là ngành công nghiệp, trong khi đó, lao động trong ngành nông nghiệp chiếm một tỷ lệ khá lớn nên điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến mức năng suất trung bình của nền kinh tế.

Trong thời gian tới, nâng cao năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh phải là những ưu tiên hàng đầu của Việt Nam. Đây là những mục tiêu quan trọng, song cũng đầy thách thức bởi vì trong thời gian qua, Việt Nam đã dựa vào nguồn lao động giá rẻ để phát triển các ngành thâm dụng lao động và hướng vào xuất

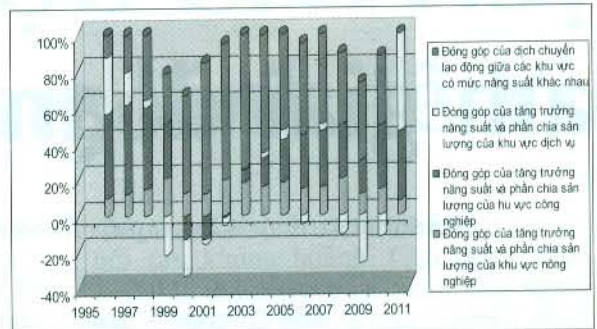
HÌNH 3. CẤU TRÚC VIỆC LÀM CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM, 1995 – 2011



HÌNH 4. NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG CỦA CÁC KHU VỰC VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM, 1995 – 2011



HÌNH 5. ĐÓNG GÓP CỦA CÁC NHÂN TỐ VÀO TĂNG TRƯỞNG NĂNG SUẤT Ở VIỆT NAM, 1995 – 2011



khẩu. Trong thời gian tới, nhân công giá rẻ với trình độ kỹ năng và năng suất lao động thấp sẽ không còn là lợi thế so sánh khi Việt Nam muốn di chuyển lên mức cao hơn của chuỗi giá trị trong các mạng lưới sản xuất toàn cầu với công nghệ kỹ thuật cao và thâm dụng vốn.

Đóng góp của các nhân tố vào tăng trưởng năng suất ở Việt Nam

Việc cải thiện năng suất lao động bình quân toàn nền kinh tế là sự kết hợp hai nỗ lực: tăng năng suất của các khu vực kinh tế (nỗ lực của bản thân ngành kinh tế) và sự phân bổ lại nguồn lực của nền kinh tế từ ngành có năng suất thấp sang ngành có năng suất cao (ảnh hưởng liên ngành). Đối với nền kinh tế ở giai đoạn mới phát triển, tăng trưởng năng suất đạt được thông qua sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ý nghĩa rất lớn.

Hình 5 trình bày kết quả tính toán dựa trên việc áp dụng mô hình cơ bản cho phân tích tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam từ năm 1995 đến 2011.

Các hệ số co giãn

Ở phía cung, khi xem xét độ co giãn sản lượng theo từng khu vực trong nền kinh tế, ta thấy nếu năng suất lao động toàn nền kinh tế tăng 1% thì: trong giai đoạn 1995 – 2007, tăng trưởng sản lượng của khu vực công nghiệp nhanh nhất, tiếp đến là khu vực dịch vụ, cuối cùng là khu vực nông nghiệp; giai đoạn tiếp theo 2008 – 2011, tăng trưởng sản lượng của khu vực dịch vụ đứng ở vị trí thứ nhất, tiếp sau là khu vực công nghiệp và đứng ở vị trí cuối cùng vẫn là nông nghiệp.

MỘT SỐ KẾT LUẬN BƯỚC ĐẦU

Thứ nhất, cơ cấu của nền kinh tế đã có những thay đổi mạnh mẽ trước năm 2000, tuy nhiên, trong giai đoạn sau năm 2000 tới nay, cơ cấu của nền kinh tế gần như không đổi, nghĩa là không chuyển dịch.

Thứ hai, sự đóng góp của dịch chuyển lao động vào tăng trưởng là lớn khoảng gần 2% trong giai đoạn 2000-2010. Nhưng sau những ảnh hưởng của suy thoái toàn cầu tới nền kinh tế Việt Nam và khi cơ cấu kinh tế ổn định, sự đóng góp của nhân tố này vào tăng trưởng năm 2011 là khá thấp, chỉ chiếm 0,02%.

Thứ ba, hệ số co giãn giữa các khu vực kinh tế cho thấy cầu của khu vực công nghiệp tăng nhanh trong thời kỳ đổi mới và có xu hướng chững lại khi nền kinh tế thế giới và Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn từ năm 2008 đến nay.

Thứ tư, cầu của khu vực dịch vụ trở thành khu vực có cầu tăng trưởng nhanh nhất trong ba khu vực kinh tế chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. □

BẢNG 2. CÁC HỆ SỐ CO GIãn SẢN LƯỢNG THEO KHU VỰC

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Nông nghiệp	0,32	0,36	0,38	1,17	0,42	0	0,28	0,19	0,13	0,35	0,16	0,17	0,54	-0,4	0,02	0,5
Công nghiệp	1,7	1,75	1,71	2,09	1,88	1,89	1,58	1,69	1,55	1,36	1,4	1,31	0,91	1,08	1,22	0,91
Dịch vụ	0,93	0,83	0,81	0,05	0,61	0,8	0,88	0,8	0,93	0,97	1,01	1,07	1,3	1,51	1,18	1,29

Nguồn: Nguồn GSO và Tính toán của tác giả

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. John Cornwall and Wendy Cornwall. (1994). *Growth theory and Economic structure*. Economica, New Series, Vol. 61, No. 242. (may, 1994), PP. 237-251.
2. John Cornwall and Wendy Cornwall (2001). *A demand and supply analysis of productivity growth*. Volume 13, iss2, June 2002, pages 203-229
3. Sundrum R. M (1990). *Economic growth in Theory and practice*, London: Macmillan.